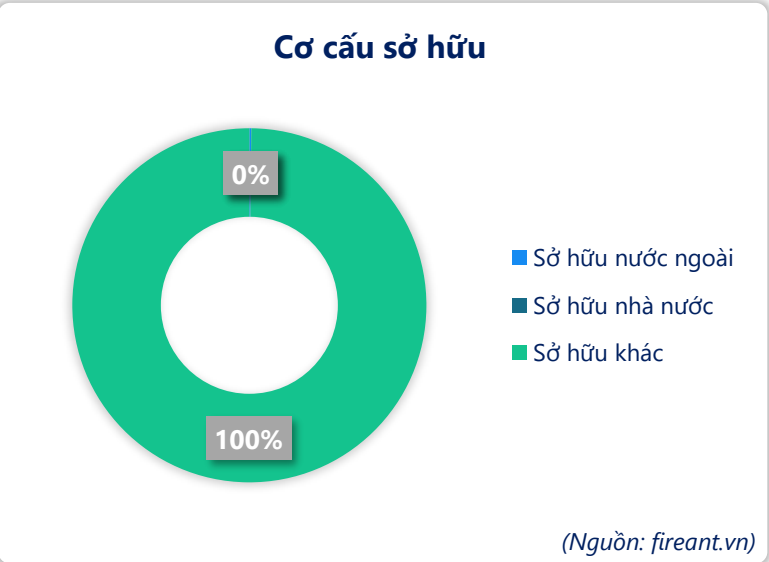
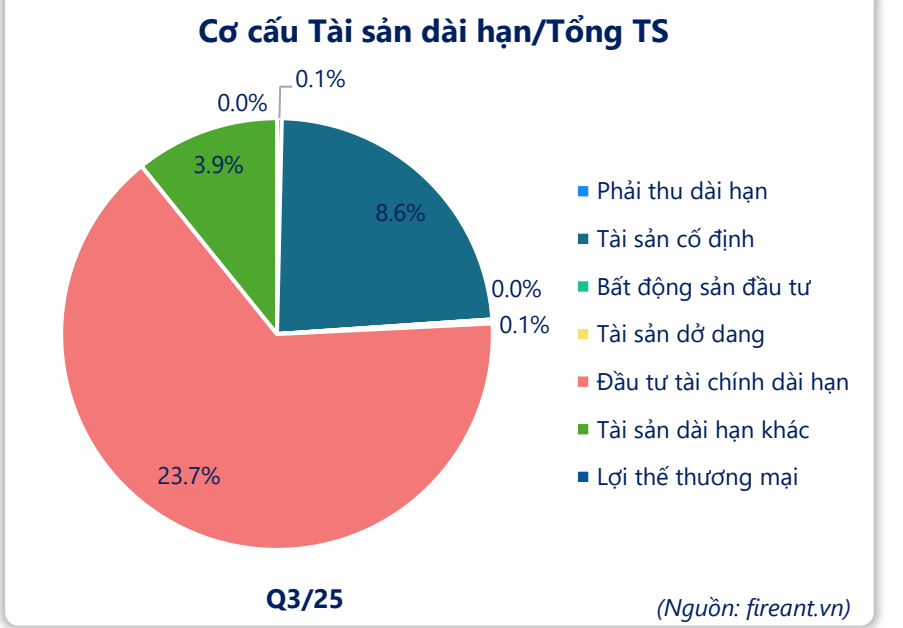
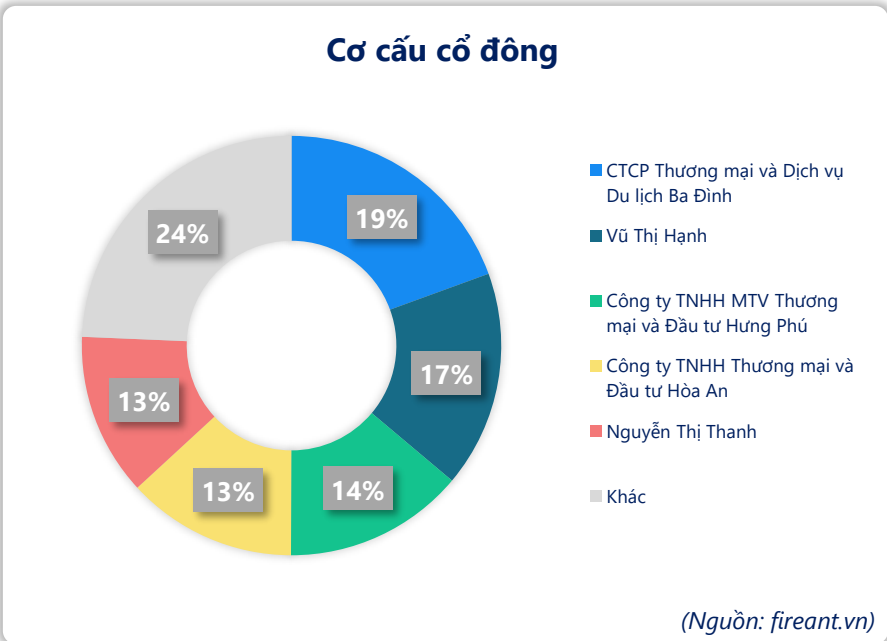
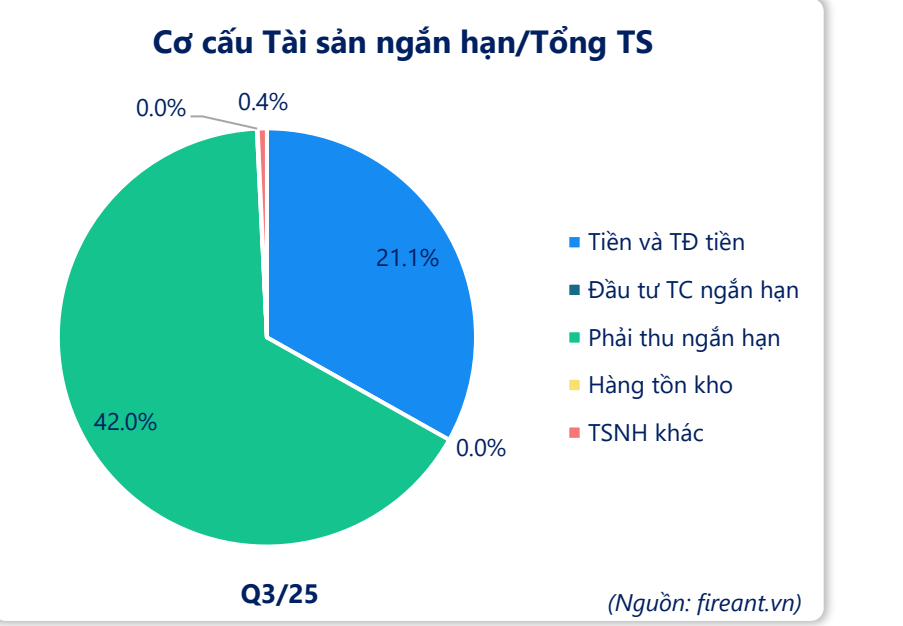
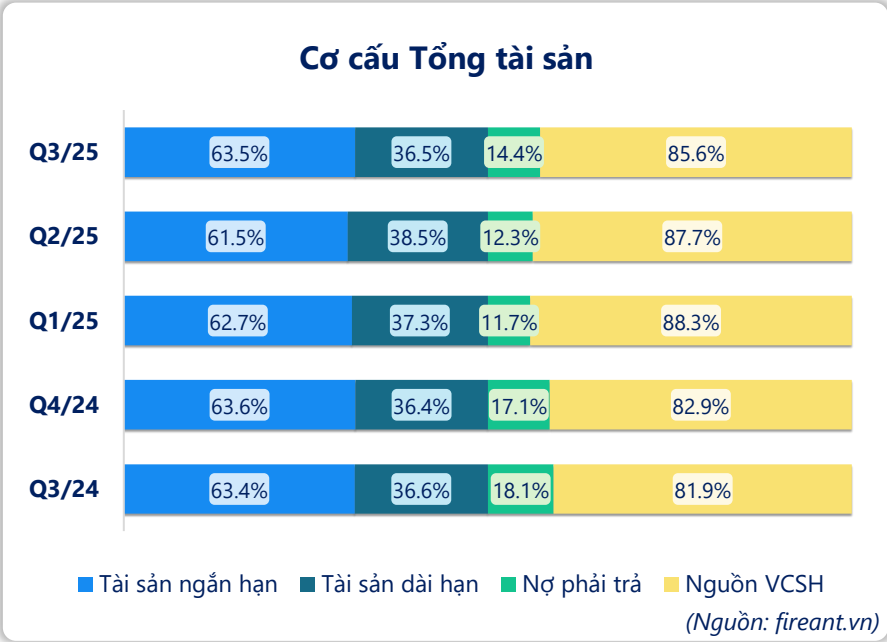


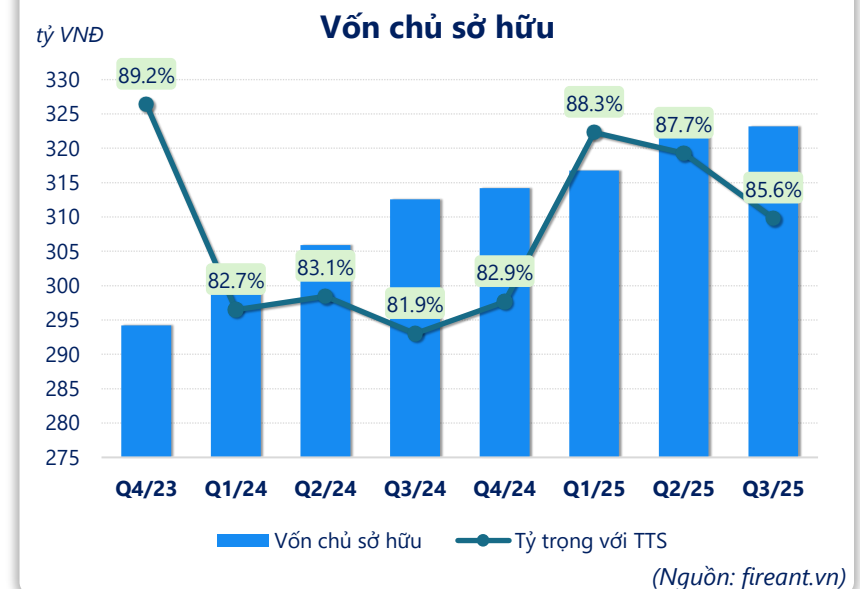
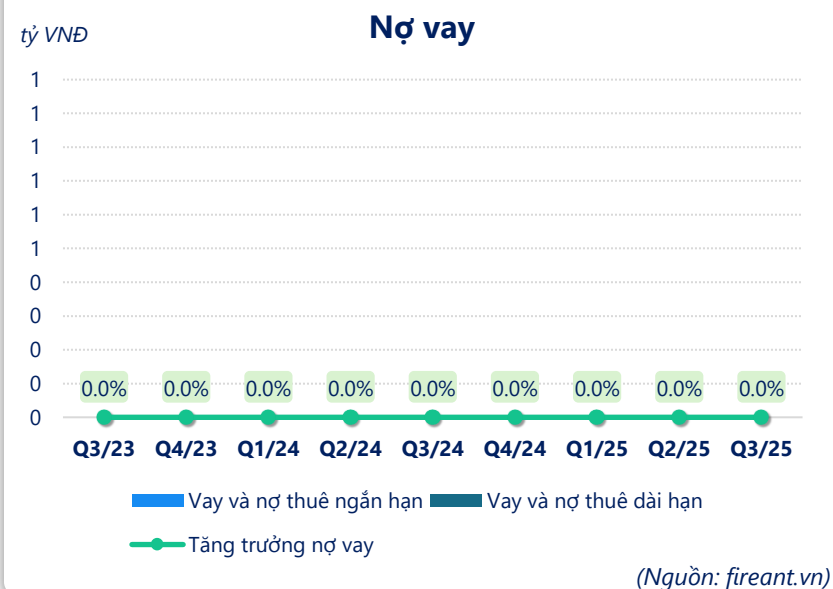
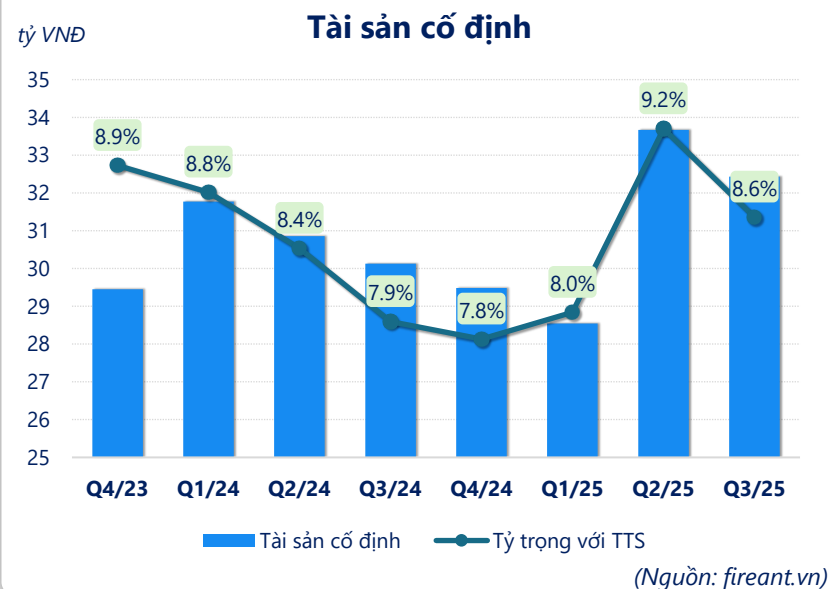
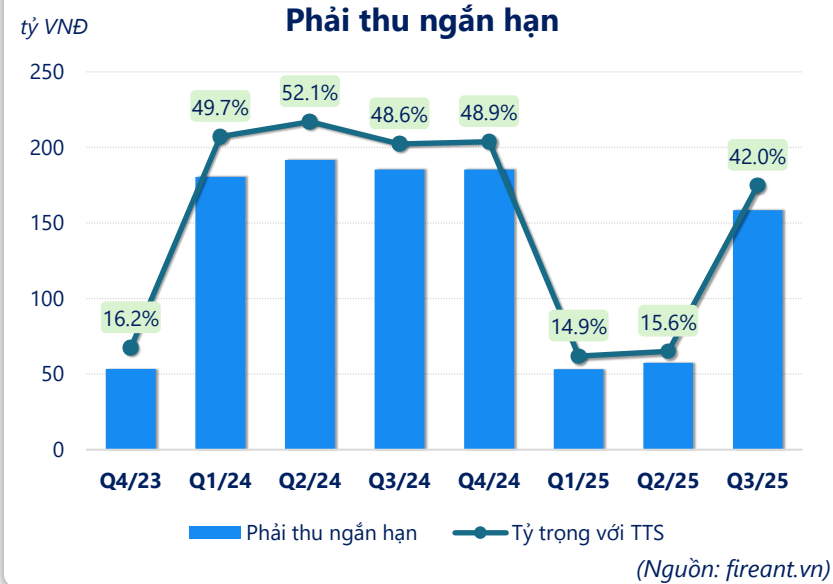
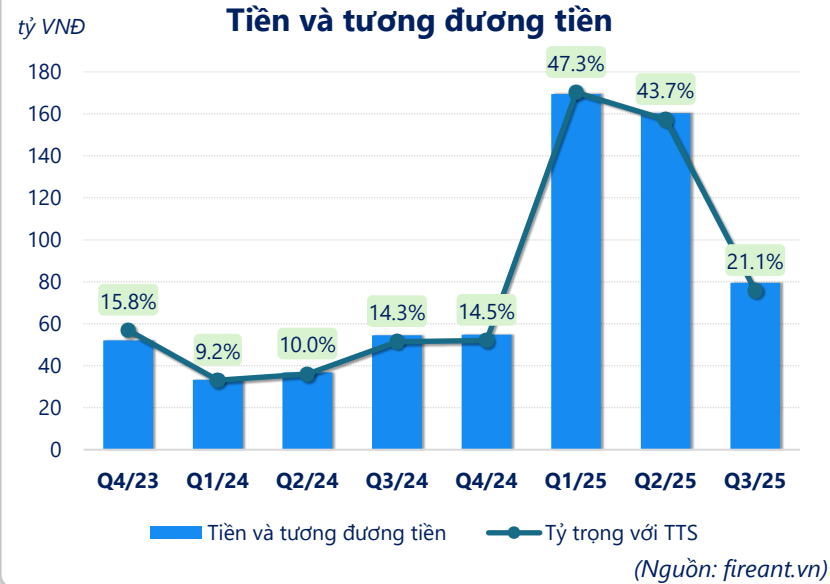
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,258
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,258
SL cổ phiếu LH		15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		540
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		171
P/E		11.2
EPS		1,018

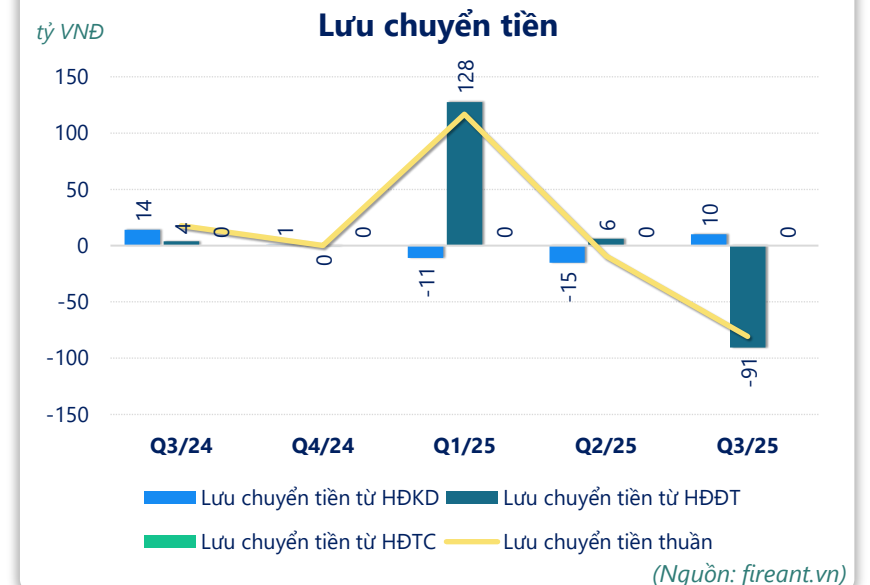
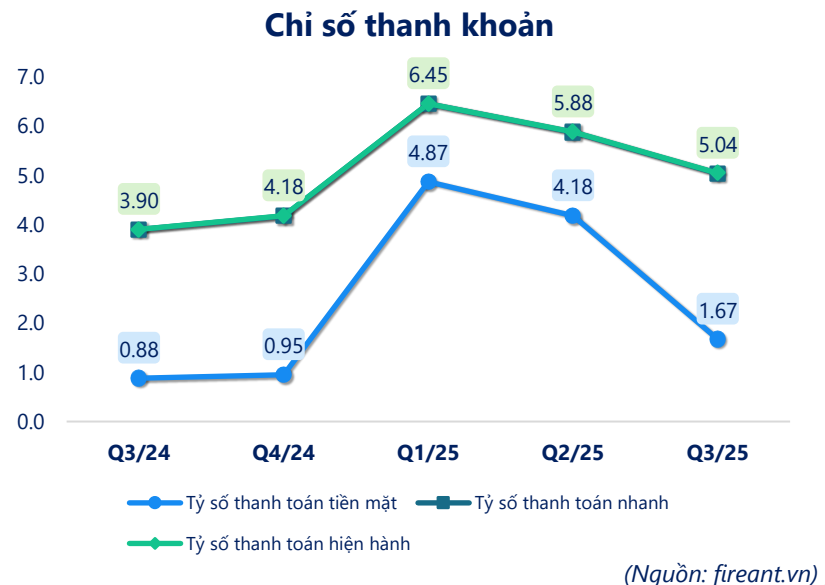
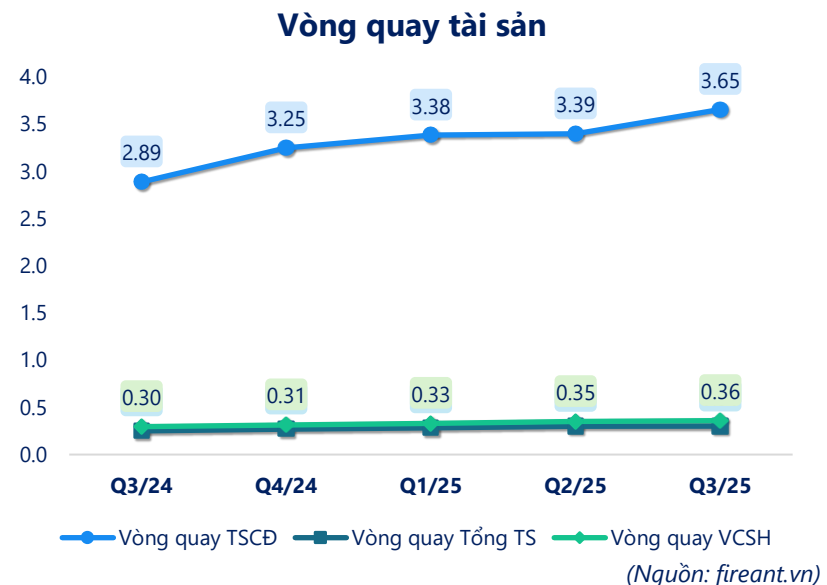
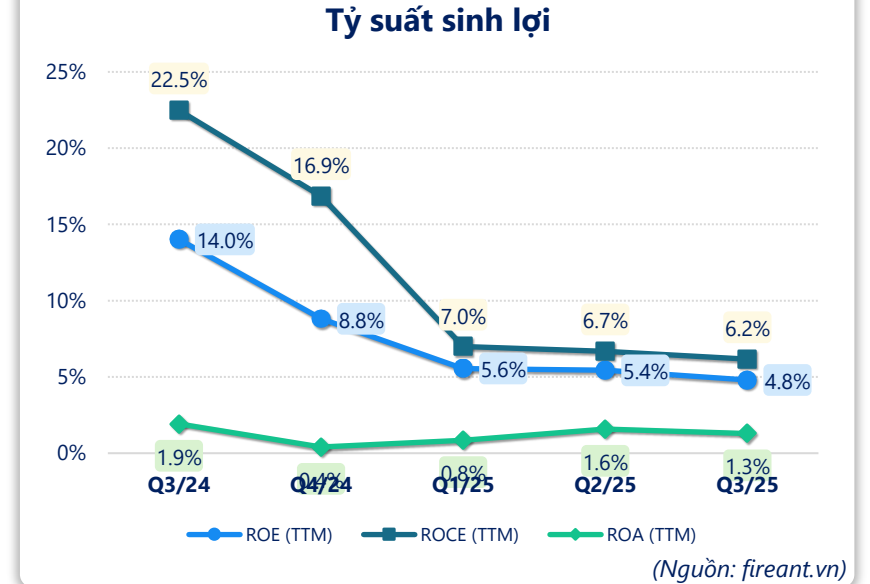
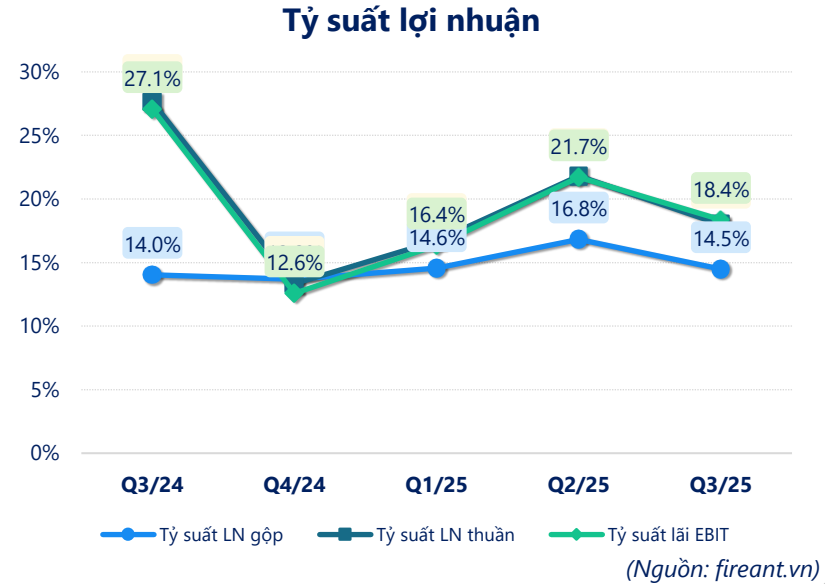
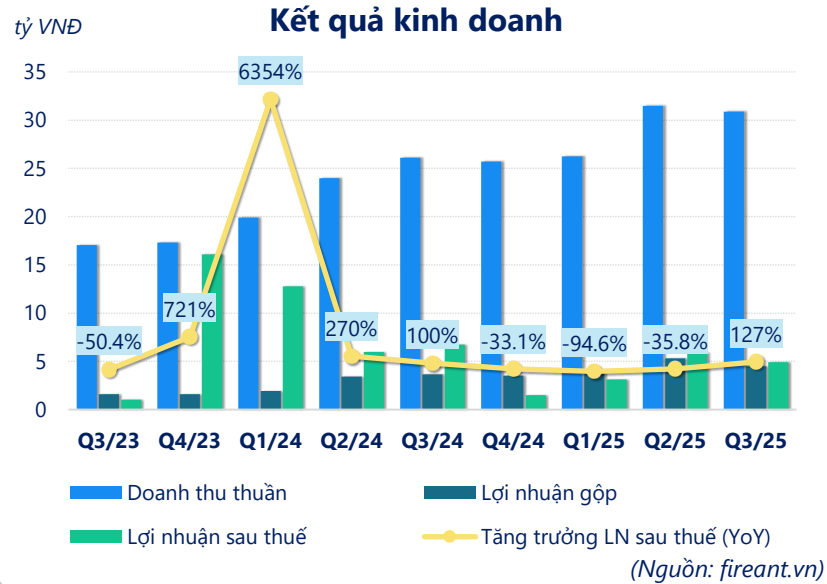
	YTD	1T	3T	6T
VFR	-5.0%	7.1%	-1.0%	3.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP Vận tải và Thuê tàu (UPCOM: VFR)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	378	375	0.6%
Tài sản ngắn hạn	240	239	0.5%
Tiền và tương đương tiền	79.5	52.8	50.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	2.00	-100%
Phải thu ngắn hạn	158	183	-13.3%
Hàng tồn kho	0.15	0.09	61.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.70	1.01	68.8%
Tài sản dài hạn	138	136	1.0%
Phải thu dài hạn	0.50	0.42	18.0%
Tài sản cố định	32.4	29.5	9.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.42	0.39	8.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	89.5	90.9	-1.5%
Tài sản dài hạn khác	14.9	15.2	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	54.4	62.2	-12.6%
Nợ ngắn hạn	47.6	55.2	-13.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	9.09	5.57	63.3%
Nợ dài hạn	6.79	6.99	-2.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	323	313	3.3%
Vốn chủ sở hữu	323	313	3.3%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	26.1	25.7	26.2	31.5	30.9
Giá vốn hàng bán	22.4	22.2	22.4	26.2	26.4
Lợi nhuận gộp	3.67	3.52	3.82	5.30	4.47
Doanh thu HĐTC	4.58	4.05	3.39	5.82	3.61
Chi phí TC	0.10	0.02	0.00	0.03	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	1.83	-1.02	0.63	0.05	0.08
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.77	3.09	3.46	4.27	2.61
LN thuần từ HĐKD	7.21	3.43	4.38	6.87	5.55
Lợi nhuận khác	-0.15	-0.19	-0.09	-0.03	0.12
LN trước thuế	7.07	3.23	4.29	6.84	5.67
Lợi nhuận sau thuế	6.73	1.49	3.11	5.90	4.92
LNST của CĐ cty mẹ	6.70	1.44	3.06	5.84	4.91

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.0	0.69	-10.9	-15.2	10.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.74	-0.45	128	5.97	-90.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	36.8	54.6	52.8	170	160
Lưu chuyển tiền thuần	17.7	0.24	117	-9.27	-80.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0.06	-0.12
Tiền cuối kỳ	54.6	54.8	170	160	79.5

(Nguồn: fireant.vn)